

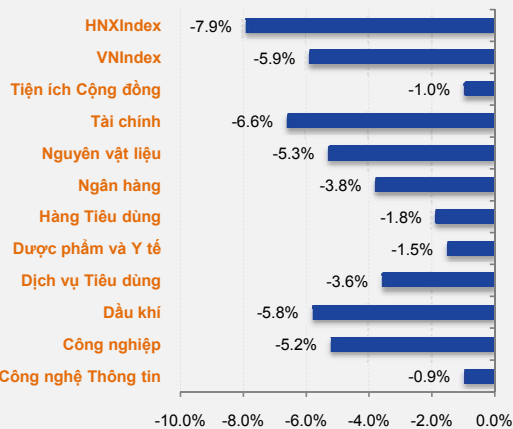


BẢN TIN TUẦN

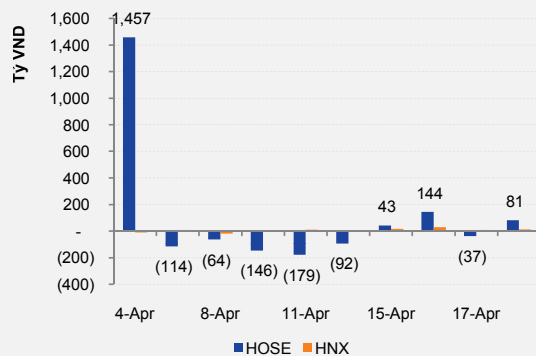
Tuần GD từ: 4/14/2014 - 4/18/2014

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	565.3	↓ -5.9%	80.6	↓ -7.9%
KLGD (trCP)	643.7	↑ 10.2%	364.0	↑ 6.0%
GTGD (tỷ VND)	11,681.8	↓ -9.4%	4,039.9	↓ -0.4%
Tổng cung (trCP)	908.7	↓ -22.4%	555.6	↓ -5.0%
Tổng cầu (trCP)	803.6	↓ -25.4%	460.3	↓ -8.4%
Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	34.40	↓ -42.0%	7.20	↑ 22%
KL bán (trCP)	24.16	↓ -41.7%	3.82	↓ -44%
GT mua (tỷ VND)	1,117.6	↓ -63.6%	110.80	↑ 18%
GT bán (tỷ VND)	979.7	↓ -53.8%	41.91	↓ -59%

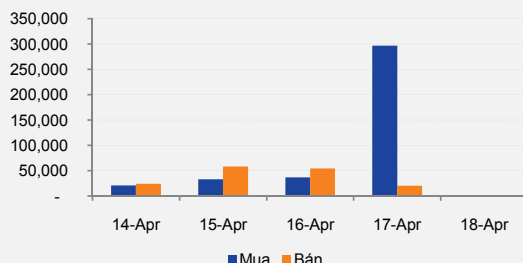
Biến động giá ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Giá trị giao dịch tự doanh trên HOSE



DAO ĐỘNG TÍCH LŨY QUANH NGƯỠNG HỖ TRỢ KỸ THUẬT - VÙNG HỖ TRỢ MẠNH CỦA VN-INDEX 550-565 ĐIỂM, CỦA HNX-INDEX 76-78 ĐIỂM

Kinh tế vĩ mô

- NHNN kêu gọi hệ thống Ngân hàng giảm lãi suất các khoản vay cũ, hỗ trợ doanh nghiệp

- VAMC giảm lãi suất các khoản nợ xấu đã mua

Thị trường chứng khoán

- Thị trường giảm điểm mạnh trên cả hai sàn

- KLGD tăng so với tuần giao dịch trước. Thanh khoản tăng khi thị trường giảm, giảm khi thị trường tăng

- Áp lực cung diễn ra phổ biến trên toàn thị trường. Ngoài nhóm cổ phiếu mang tính phòng thủ, đa số cổ phiếu đều giảm giá mạnh, đặc biệt là nhóm cổ phiếu đã tăng nóng như chứng khoán, dầu khí

- NĐTNN mua ròng trên cả hai sàn nhờ diễn biến tăng CCQ của hai quỹ ETF VNM và FTSE

Phân tích kỹ thuật

- Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi kiểm định không thành công ngưỡng cản kỹ thuật 610 điểm.

- Chỉ số HNX-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA12 ngày.

Nhận định: Thị trường ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi kiểm định không thành công ngưỡng cản kỹ thuật (mức 610 điểm đối với VN-Index, đường MA12 đối với HNX-Index). Thị trường bước đầu có phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật, sau diễn biến giảm mạnh 3 phiên đầu tuần. Tuy nhiên thực tế KLGD tăng khi thị trường giảm mạnh, giảm khi thị trường tăng cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Thị trường quay trở lại giảm điểm về cuối tuần, sau một phiên phục hồi kỹ thuật, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số.

Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số VN-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng khoảng +/-565 điểm, chỉ số HNX-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng khoảng +/-80 điểm. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với VN-Index là khoảng 550 điểm, với HNX-Index là khoảng 76-78 điểm. Thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường giảm điểm sâu so với vùng hỗ trợ không nhiều. Chúng tôi nghiêng về kịch bản thị trường dao động tích quanh vùng hỗ trợ ở thời gian còn lại của tháng 4.

Nhà đầu tư trung dài hạn xem xét tích lũy cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, chưa nên nóng vội tham gia thị trường.

STT	Thông tin cập nhật trong tuần	Quan điểm đánh giá của SHS
1	NHNN kêu gọi hệ thống Ngân hàng giảm lãi suất các khoản vay cũ, hỗ trợ doanh nghiệp	<p>Theo NHNN, từ nay đến cuối năm, ngành Ngân hàng sẽ quan tâm hạ lãi suất các khoản vay cũ từ mức 12 - 13%/năm còn khoảng 10%/năm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Mức giảm tùy thuộc vào năng lực tài chính, giá vốn, quy mô và chiến lược kinh doanh của từng ngân hàng.</p> <p>Hiện dư nợ cho vay có lãi suất trên 13%/năm chỉ còn khoảng 17-18% trong tổng dư nợ, giảm mạnh so với mức 31% vào cuối tháng 6-2013. Dư nợ cho vay có lãi suất trên 13%/năm của các Ngân hàng chủ yếu là các khoản cho vay tiêu dùng các mặt hàng có khấu hao lớn, vay tín chấp của một số công ty tài chính, các khoản cho vay trong lĩnh vực bất động sản có rủi ro cao; một số khoản vay trung, dài hạn của các doanh nghiệp có nguy cơ phá sản. Tính rủi ro buộc các Ngân hàng phải áp lãi suất cao, nhằm bù đắp rủi ro cũng như tạo động lực cho khách hàng trả nợ gốc của các khoản vay. Nếu khách hàng trả được nợ gốc, nhiều tổ chức tín dụng cam kết sẵn sàng giảm hoặc miễn lãi cho khách hàng.</p> <p>Với bối cảnh hoạt động Ngân hàng còn nhiều khó khăn hiện tại, việc giảm lãi suất các khoản vay cũ dự báo sẽ chưa sớm được thực hiện, hoặc thực hiện với tốc độ chậm.</p> <p>Về tăng trưởng tín dụng, NHNN dự báo dòng tín dụng ra nền kinh tế sẽ tiếp tục cải thiện trong thời gian tới, khi hoạt động sản xuất kinh doanh của đa số doanh nghiệp thường thấp vào quý đầu năm. Sau cuộc họp thường kỳ tháng 3 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu ngành ngân hàng tiếp tục cơ cấu lại kỳ hạn của các khoản vay cũ và giảm lãi suất, tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng sau diễn biến giảm 0.55% trong tháng 1, 0,65% trong tháng 2 đã có diễn biến cải thiện khá, với mức tăng 1,35% trong tháng 3.</p>
2	VAMC giảm lãi suất các khoản nợ xấu đã mua	<p>VAMC thông báo điều chỉnh lãi suất các khoản nợ xấu đã mua với 10,7%/năm đối với loại tiền VND; 5,2% với loại tiền USD và 5,7% với loại tiền EUR. Mức lãi suất trên đây được áp dụng đối với các khoản nợ xấu được VAMC chấp thuận điều chỉnh lãi suất trong quý II/2014 (từ ngày 15/04/2014 đến ngày 30/06/2014). Động thái này nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, giúp giảm áp lực vốn vay.</p> <p>Trước đó, theo quy định của Thông tư 19, NHNN yêu cầu VAMC xem xét, điều chỉnh (giảm) lãi suất đang áp dụng đối với các khoản nợ xấu đã mua về mức lãi suất hợp lý phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng vay, lãi suất trên thị trường và thỏa thuận với khách hàng. Mức lãi suất hợp lý này sẽ được VAMC công bố công khai hàng quý. VAMC cũng có chức năng xem xét giãn, khoan nợ và bảo lãnh cho doanh nghiệp có nợ xấu tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, giúp doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua tình hình khó khăn.</p> <p>Trong quý I/2014, VAMC đã mua 3.929 tỷ đồng nợ xấu, với giá 3.048 tỷ đồng, thấp hơn mục tiêu đề ra ban đầu là 10.000 tỷ đồng. Sau 6 tháng kể từ khi mua món nợ đầu tiên, VAMC đã mua gần 43.000 tỷ đồng nợ xấu, tổng giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành đạt 35.448 tỷ đồng.</p>

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi kiểm định không thành công ngưỡng cản kỹ thuật 610 điểm.

- KLGD tăng khi thị trường giảm điểm, giảm khi thị trường tăng. Áp lực cung đang chiếm ưu thế.

- Chỉ số RSI14 theo đồ thị tuần giảm xuống mức 55 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. Đường MACD đang giảm sát đường tín hiệu, cho tín hiệu xấu hơn về xu hướng.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi kiểm định không thành công ngưỡng cản kỹ thuật 610 điểm. Chỉ số VN-Index bước đầu có phản ứng với ngưỡng hỗ trợ 565 điểm, sau diễn biến giảm mạnh 3 phiên đầu tuần. Tuy nhiên thực tế KLGD tăng khi thị trường giảm mạnh, giảm khi thị trường tăng cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Thị trường quay trở lại giảm điểm về cuối tuần, sau một phiên phục hồi kỹ thuật, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số.

Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số VN-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng khoảng +/-565 điểm. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với VN-Index là khoảng 550 điểm. Thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường giảm điểm sâu so với vùng hỗ trợ 550-565 điểm không nhiều. Chúng tôi nghiêng về kịch bản thị trường dao động tích quanh vùng hỗ trợ ở thời gian còn lại của tháng 4.

Nhà đầu tư trung dài hạn xem xét tích lũy cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, chưa nên nóng vội tham gia thị trường.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA12 ngày.

- KLGD tăng khi thị trường giảm điểm, giảm khi thị trường tăng. Áp lực cung đang chiếm ưu thế.

- Chỉ số RSI14 theo đồ thị tuần giảm xuống mức 58 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. Đường MACD đang giảm gần đường tín hiệu, cho tín hiệu xấu hơn về xu hướng.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận tuần điều chỉnh giảm mạnh khi tiếp cận ngưỡng cản của đường MA12 ngày. Thị trường bước đầu phản ứng với ngưỡng hỗ trợ của đường MA50 ngày. Tuy nhiên thực tế KLGD tăng khi thị trường giảm mạnh, giảm khi thị trường tăng cho thấy áp lực cung vẫn chiếm ưu thế. Thị trường quay trở lại giảm điểm về cuối tuần, sau một phiên phục hồi kỹ thuật, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số.

Kết thúc tuần giao dịch, chỉ số HNX-Index đã giảm sát ngưỡng hỗ trợ quan trọng khoảng +/-80 điểm. Ngưỡng hỗ trợ mạnh hơn đối với HNX-Index là khoảng 76 điểm. Thị trường có thể bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Tuy nhiên với thực tế động lực thị trường yếu, mức độ tăng điểm kỹ thuật dự kiến không nhiều.

Với thực tế nhiều cổ phiếu đã quay trở lại vùng giá tích lũy hấp dẫn, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường giảm điểm sâu so với vùng hỗ trợ 76-80 điểm không nhiều. Chúng tôi nghiêng về kịch bản thị trường dao động tích quanh vùng hỗ trợ ở thời gian còn lại của tháng 4.

Nhà đầu tư trung dài hạn xem xét tích lũy cổ phiếu ở phiên/thời điểm thị trường giảm sâu. Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC, chưa nên nóng vội tham gia thị trường.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 15/04/2014



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	1,851,480	DPM	5,066,150
2	DXG	1,724,130	HAG	2,998,450
3	KBC	1,567,890	VIC	1,058,420
4	DIG	1,521,010	PET	1,043,650
5	PVT	1,230,190	NTL	440,790

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	1,786,100	SHB	591,110
2	PVS	1,008,490	PVX	353,785
3	SCR	279,300	PVI	175,800
4	VND	241,700	KHL	108,900
5	PVG	240,300	DCS	90,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	15.1	12.8	↓-15.23%	50,026,880
ITA	10.1	8.7	↓-13.86%	46,364,280
TBC	18.7	19.3	↑3.21%	27,824,910
SSI	30.7	27.5	↓-10.42%	24,945,340
CTG	16.6	15.8	↓-4.82%	23,040,250

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.2	4.8	↓-22.58%	47,250,534
SHB	11.1	10.1	↓-9.0%	42,693,702
KLS	14.6	12.1	↓-17.12%	30,701,110
SCR	10.8	8.9	↓-17.59%	23,814,461
SHS	12.2	10.0	↓-18.03%	16,242,200

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	44.0	48.8	4.8	↑10.91%
VNG	10.3	11.3	1.0	↑9.71%
NSC	75.1	82.0	6.9	↑9.21%
CMX	5.2	5.6	0.4	↑7.69%
VSI	8.3	8.9	0.6	↑7.23%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑100.00%
VIE	3.9	5.1	1.2	↑30.77%
ITQ	6.6	8.0	1.4	↑21.21%
LCD	7.2	8.7	1.5	↑20.83%
DAC	7.5	9.0	1.5	↑20.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

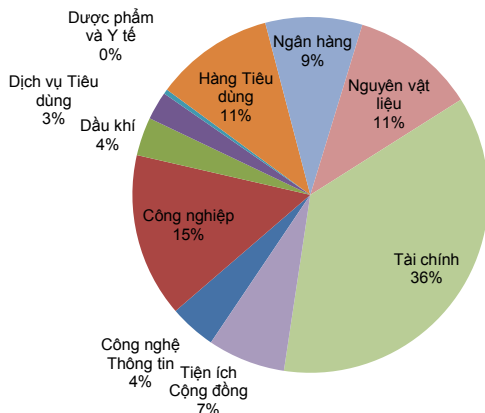
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDG	3.6	2.7	-0.9	↓-25.00%
IDI	15.7	12.5	-3.2	↓-20.38%
VHG	10.9	8.7	-2.2	↓-20.18%
PTK	7.2	5.8	-1.4	↓-19.44%
CCL	7.5	6.1	-1.4	↓-18.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVN	23.5	16.0	-7.5	↓-31.91%
MMC	3.7	2.6	-1.1	↓-29.73%
BXH	12.4	9.4	-3.0	↓-24.19%
S12	8.1	6.2	-1.9	↓-23.46%
VC7	7.9	6.1	-1.8	↓-22.78%

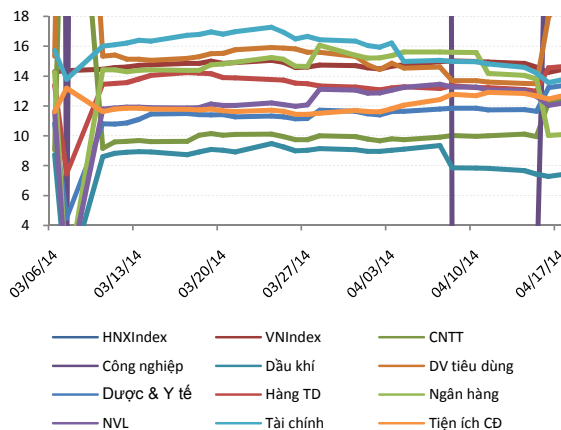
(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	50,026,880	8.1%	1,098	12.5	0.8
ITA	46,364,280	1.3%	140	66.7	0.8
TBC	27,824,910	16.9%	2,370	8.3	1.4
SSI	24,945,340	8.0%	1,193	24.3	2.0
CTG	23,040,250	13.2%	1,818	8.9	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	47,250,534	-82.6%	-4,057	-	2.0
SHB	42,693,702	8.6%	958	11.4	0.9
KLS	30,701,110	7.1%	948	13.5	0.9
SCR	23,814,461	0.4%	53	184.9	0.7
SHS	16,242,200	1.5%	116	95.4	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SSC	↑ 10.9%	27.1%	5,160	9.5	2.4
VNG	↑ 9.7%	0.3%	35	307.1	1.0
NSC	↑ 9.2%	32.3%	9,467	8.6	2.5
CMX	↑ 7.7%	-129.2%	-9,581	-	2.3
VSI	↑ 7.2%	2.0%	256	36.7	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	1,832	53.0	3.7
VIE	↑ 30.8%	-26.5%	-2,589	-	0.5
ITQ	↑ 21.2%	2.5%	266	30.5	0.8
LCD	↑ 20.8%	11.3%	1,703	5.0	0.6
DAC	↑ 20.0%	-11.5%	-2,159	-	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	1,851,480	10.4%	1,881	15.6	1.6
DXG	1,724,130	13.9%	1,518	10.5	1.3
KBC	1,567,890	1.8%	250	47.6	0.9
DIG	1,521,010	2.3%	381	46.2	1.1
PVT	1,230,190	8.9%	1,029	14.4	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	1,786,100	9.1%	1,123	13.4	1.2
PVS	1,008,490	21.6%	3,707	7.5	1.5
SCR	279,300	0.4%	53	184.9	0.7
VND	241,700	10.8%	1,247	13.8	1.4
PVG	240,300	6.7%	993	13.8	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	174,340	40.6%	6,484	14.2	5.2
VNM	117,515	39.6%	7,839	18.0	6.7
MSN	70,184	3.2%	642	148.8	4.9
VCB	68,132	10.4%	1,881	15.6	1.6
VIC	60,433	54.2%	7,404	9.0	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,389	6.6%	889	18.8	1.3
PVS	12,374	21.6%	3,707	7.5	1.5
SHB	9,658	8.6%	958	11.4	0.9
SQC	8,602	-2.0%	-249	-	6.5
VCG	6,626	9.1%	1,123	13.4	1.2



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
2/19/2014	4/18/2014	3/3/2014	2/27/2014	VIC	Đại hội Đồng Cổ đông
4/14/2014	4/18/2014	4/22/2014	4/18/2014	SGH	Phát hành cổ phiếu
4/14/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	KSS	Niêm yết thêm
3/6/2014	4/18/2014	3/24/2014	3/20/2014	SCL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/3/2014	4/18/2014	3/18/2014	3/14/2014	APC	Đại hội Đồng Cổ đông
2/27/2014	4/18/2014	3/7/2014	3/5/2014	V21	Đại hội Đồng Cổ đông
3/24/2014	4/18/2014	4/1/2014	3/28/2014	PVB	Đại hội Đồng Cổ đông
3/10/2014	4/18/2014	3/24/2014	3/20/2014	DCL	Đại hội Đồng Cổ đông
3/10/2014	4/18/2014	3/18/2014	3/14/2014	HU1	Đại hội Đồng Cổ đông
2/27/2014	4/18/2014	3/12/2014	3/10/2014	TDN	Đại hội Đồng Cổ đông
3/10/2014	4/18/2014	3/20/2014	3/18/2014	VCF	Đại hội Đồng Cổ đông
3/24/2014	4/18/2014	4/2/2014	3/31/2014	FDC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/13/2014	4/18/2014	3/21/2014	3/19/2014	KSD	Đại hội Đồng Cổ đông
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	C92	Kết quả kinh doanh quý
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	ICG	Kết quả kinh doanh quý
3/13/2014	4/18/2014	3/24/2014	3/20/2014	LGL	Đại hội Đồng Cổ đông
3/21/2014	4/18/2014	3/28/2014	3/26/2014	L43	Đại hội Đồng Cổ đông
3/12/2014	4/18/2014	3/18/2014	3/14/2014	REM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/19/2014	4/18/2014	3/3/2014	2/27/2014	VPH	Đại hội Đồng Cổ đông
3/4/2014	4/18/2014	3/18/2014	3/14/2014	VPK	Đại hội Đồng Cổ đông
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	VC7	Kết quả kinh doanh quý
3/4/2014	4/18/2014	3/20/2014	3/18/2014	PDN	Đại hội Đồng Cổ đông
3/14/2014	4/18/2014	3/24/2014	3/20/2014	CTA	Đại hội Đồng Cổ đông
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	SAF	Kết quả kinh doanh quý
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	VFC	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	VSG	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	WTC	Kết quả kinh doanh năm chính thức
4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	SD3	Kết quả kinh doanh năm chính thức
2/28/2014	4/18/2014	3/17/2014	3/13/2014	CCL	Đại hội Đồng Cổ đông
4/16/2014	4/18/2014	4/18/2014	4/18/2014	LGL	Thay đổi BLĐ



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)